ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số : 1248 /QĐ - UBND	*Khánh Hòa, ngày 18 tháng 5 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 về việc hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Khánh Vĩnh đến năm 2020, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 09/10/2007;

Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của UBND tỉnh V/v cho phép tiến hành lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Khánh Vĩnh đến năm 2020, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1059/SXD-KTQH ngày 05/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Khánh Vĩnh với những nội dung chính sau:

I. Tên Đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025

II. Vị trí, ranh giới, quy mô diện tích, dân số :

1. Vị trí, ranh giới :

- Phạm vi Đồ án nằm trong ranh giới hành chính Thị trấn Khánh Vĩnh, nằm về phía Đông huyện Khánh Vĩnh.

- Ranh giới được xác định cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Khánh Nam.

+ Phía Nam giáp xã Khánh Thành.

+ Phía Tây giáp xã Cầu Bà.

+ Phía Đông giáp xã Sông Cầu.

2. Quy mô diện tích : khoảng 936 ha

III. Tính chất và mục tiêu lập quy hoạch:

1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa, quy hoạch kinh tế - xã hội huyện Khánh Vĩnh, Chương trình phát triển hệ thống đô thị Khánh Hòa đến năm 2020 đã được phê duyệt.

- Rà soát, đánh giá đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt, cập nhật các đồ án, dự án quy hoạch có liên quan để bổ sung các điều chỉnh, định hướng phát triển không gian đô thị phát triển đô thị, sử dụng đất đai, cơ sở hạ tầng..., Xác định khung kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án làm cơ sở triển khai lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, dự án đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng... trong giai đoạn của quy hoạch, đồng thời là cơ sở pháp lý để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

2. Tính chất:

Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, đô thị dịch vụ du lịch sinh thái núi, dịch vụ trung gian của huyện Khánh Vĩnh và tuyến đường Nha Trang - Đà Lạt.

IV. Nội dung đồ án thiết kế quy hoạch:

1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo Đồ án quy hoạch chung duyệt năm 2007 (định hướng tới năm 2020)	Theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch		
				Hiện trạng năm 2013	Dự báo năm 2020	Dự báo năm 2025
I	**Dân số khu vực**	1000 người	**9,50**	**6,00**	**8,00**	**9,00**
-	Tỷ lệ tăng dân số TB	%	1,50	2,30	2,34	2,5
-	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,10	1,30	1,3	1,5
-	Tỷ lệ tăng dân số cơ học	%	0,50	1,00	1,04	1,0
II	**Đất toàn đô thị**	ha	**936,00**	**936,00**	**936,00**	**936,00**
	Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị	m2/người	**335,00**	**168,91**	**344,71**	**383,41**
1	Đất dân dụng	m2/người	**140,00**	**136,89**	**238,28**	**273,44**
	- Đất ở	m2/người	75,00	76,78	134,35	139,87
	- Đất CTCC đô thị	m2/người	14,10	33,93	16,42	14,86
	- Đất cây xanh, VH-TDTT đô thị	m2/người	13,20	3,55	24,20	33,82
	- Đất giao thông nội thị	m2/người	37,80	22,63	59,69	80,63
2	Đất ngoài dân dụng	m2/người	195,00	**32,02**	106,42	109,97
III	**Hạ tầng kỹ thuật nội thị**					
1	Tỷ lệ đất giao thông	% đất XDĐT	16,90	-	22,79	34,23

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2	Cấp nước sinh hoạt	l/ng/ngày	120	70	100	120
	Cấp nước công nghiệp	m^3/ha	45	0	25	25
3	Thoát nước bẩn sinh hoạt	% nước sh	≥ 80	0	≥ 80	≥ 80
4	VSMT (rác thải)	kg/ng/ngày	1	0,8	1	1
5	Cấp điện sinh hoạt	W/người	233	150	230	330
	Cấp điện công nghiệp	KW/ha	150-250	0	150-250	200

2. Quy hoạch sử dụng đất:

- Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch: khoảng 936 ha.
- Quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 9.000 người (xác định trên cơ sở dự báo dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học).

STT	CÁC LOẠI ĐẤT	ĐỒ ÁN NĂM 2007 (ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020)			ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2025					
					ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020			ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025		
		DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	M2/ NGƯỜI	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	M2/ NGƯỜI	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	M2/ NGƯỜI
	Tổng diện tích đất toàn đô thị (I+II)	**936,00**	**100.00**		**936,00**	**100.00**		**936,00**	**100.00**	
I	**Đất xây dựng đô thị**	**318,00**	**33,97**	**340.00**	**210,32**	**22,47**	**344.71**	**354,80**	**37,91**	**383.41**
1	**Đất dân dụng**	**133,00**	**16,60**	**196.47**	**155,42**	**16,60**	**238.28**	**315,49**	**33,71**	**273.44**
	Đất ở	71,30	7,62	97.65	71,30	7,62	134.35	149,61	15,98	139.87
	Đất CTCC đô thị	31,80	2,33	23.65	21,80	2,33	16.42	28,21	3,01	14.86
	Đất du lịch, thương mại dịch vụ	17,92	1,48	8.12	13,92	1,48	3.61	15,30	1,63	4.26
	Đất cây xanh, văn hóa TDTT	12,50	1,33	20.00	12,50	1,33	24.20	65,55	7,00	33.82
	Đất giao thông nội thị	35,90	3,84	47.06	35,90	3,84	59.69	56,82	6,07	80.63
2	**Đất ngoài dân dụng**	**54,90**	**5,87**	**143.53**	**54,90**	**5,87**	**106.42**	**39,31**	**4,20**	**109.97**
	Đất công nghiệp, TTCN, kho tàng	23,00	2,46	17.65	23,00	2,46	0.00	22,79	2,43	0.00
	Đất giao thông đối ngoại	26,50	2,83	30.12	26,50	2,83	18.86	14,71	1,57	24.75
	Đất an ninh quốc phòng	0,90	0,10	1.53	0,90	0,10	1.65	0,92	0,10	1.40
	Mặt nước, hồ cảnh quan	-	-	-	-	-	-	-	-	75.58
	Đất thủy lợi, CT đầu mối hạ tầng kĩ thuật	4,50	0,48	4.71	4,50	0,48	6.26	0,89	0,10	8.24
II	**Đất khác**	**618,00**	**66,03**		**725,68**	**77,53**		**581,20**	**62,09**	
	Đất nông nghiệp	140,00	14,96		264,81	28,29		128,17	13,69	
	Đất lâm nghiệp	393,00	41,99		445,27	47,57		445,27	47,57	
	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,00	0,00		0,30	0,03		0,36	0,04	
	Đất chưa sử dụng	85,00	9,08		15,30	1,64		7,40	0,79	

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3. Định hướng phát triển không gian:

Bố cục quy hoạch các khu chức năng đô thị bao gồm:

a. Hệ thống các trung tâm chính:

- Trung tâm hành chính, cơ quan: Nằm trên trục đường 2 tháng 8 bao gồm các công trình hành chính cấp huyện, thị trấn (UBND huyện, Huyện ủy, Tòa án, Viện Kiểm sát, Công an, UBND thị trấn …).

- Xây dựng mới chợ đầu mối huyện nằm trên tuyến Nha Trang – Đà Lạt kết hợp với bến xe liên tỉnh.

- Các khu trung tâm thương mại cơ bản thực hiện theo các đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, phát triển Khu vực dịch vụ du lịch đặt phía Nam thị trấn và đường Tỉnh lộ 2; ngoài ra, khuyến khích các hộ dân khu vực 2 bên trục đường Tỉnh lộ 2, đường 2 tháng 8 và đường Nha Trang – Đà Lạt kinh doanh thương mại tạo thành trục phố thương mại trên các tuyến đường này.

- Các trung tâm chuyên ngành cấp huyện: Trung tâm giáo dục đào tạo, Trung tâm y tế, nghỉ dưỡng, Trung tâm văn hóa, TDTT, Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, Trung tâm các đơn vị ở:

b. Đơn vị ở: Khu dân cư tại trung tâm hiện hữu phía Tây thị trấn; Khu dân cư phía Đông thị trấn; Khu dân cư phía Nam thị trấn (bám theo trục đường Nha Trang - Đà Lạt).

4. Thiết kế đô thị:

a. Không gian trung tâm đường 2 tháng 8:

- Đây là khu vực trung tâm hành chính cấp huyện và thị trấn, các cơ quan của huyện. Các công trình trong khu vực chủ yếu hiện hữu cải tạo xen cấy xây dựng mới cần chú trọng đến kiến trúc cảnh quan hai bên đường.

- Trên tuyến có Công viên quảng trường chính trị trước UBND huyện Khánh Vĩnh, Huyện Ủy Khánh Vĩnh và các cơ quan hành chính của huyện là điểm nhấn và bộ mặt hành chính của thị trấn, cần cải tạo hình thức kiến trúc cho phù hợp.

- Kiến nghị dời sân vận động hiện đã xuống cấp về khu vực phía Bắc, đinh hướng xây dựng khu nhà ở kết hợp thương mại tạo sự thống nhất về kiến trúc cảnh quan trên trục.

b. Không gian khu trung tâm đường tỉnh lộ 2: Là tuyến nối kết các khu vực lân cận, định hướng xây dựng mới các công trình thương mại, dịch vụ du lịch, cụm công nghiệp - TTCN và các công trình công cộng phục vụ đô thị tạo động lực phát triển đô thị; thiết kế không gian trung tâm thương mại sống động khang trang với kiến trúc đặc trưng miền núi.

c. Không gian trung tâm đường Nha Trang – Đà Lạt: Là khu vực quan trọng gây ấn tượng cho khách tới thị trấn theo tuyến du lịch Nha Trang – Đà Lạt; định hướng bố trí công trình trong khu vực phải thân thiện, tiện nghi, tạo ấn tượng cho du khách, với tiêu chí tiện nghi thuận lợi cho du khách. Các hạng mục xây dựng bao gồm các chợ đầu mối, bến xe liên tỉnh, khu thương mại - dịch vụ du lịch.

d. Vùng đồi cảnh quan trung tâm thị trấn: Khu vực nối kết khu đô thị hiện hữu ở phía Tây và khu khu đô thị ở phía Đông, ngoài một số điểm nhấn tại trung tâm đô thị, tại đây bố trí các công trình dịch vụ du lịch, xây dựng thấp tầng theo triền đồi núi, mật độ xây dựng (5%); định hướng đây là vùng cảnh quan, cây xanh chính của đô thị, có thể nhìn toàn cảnh thị trấn.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

e. Vùng cảnh quan ven sông: Dọc ven sông Cái và sông Khế đi qua đô thị cần mở rộng không gian dòng sông, tăng bề mặt thoáng đồng thời là không gian xanh bổ sung cho đô thị; tạo một số tuyến đường tiếp cận ven sông, xây dựng công trình có khoảng lùi lớn tạo không gian mở tại khu vực, đồng thời tạo được quỹ đất cây xanh ven sông làm đường dạo công viên cây xanh cảnh quan và quỹ đất phát triển các khu du lịch vườn sông nước; khuyến khích cư dân tham gia vào đầu tư dịch vụ, du lịch sinh thái kết hợp dạng nhà vườn, biệt thự mật độ xây dựng thấp.

f. Các quảng trường, vị trí tượng đài, các điểm nhấn trong đô thị:

- Định hướng quy hoạch các quảng trường trước trung tâm hành chính (Khu vực đường 2-8), quảng trường thương mại dịch vụ tại khu trung tâm thương mại, quảng trường giao thông tại các nút đường giao thông chính (đường 2-8, đường Lê Hồng Phong, đường Nguyễn Văn Trỗi), quảng trường khu du lịch hướng ra sông Cái, sông Khế tạo các không gian mở của đô thị, tạo khu vực có diện tích lớn có tính chất công cộng phục vụ cộng đồng và là cửa ngõ, điểm nơi dừng chân lý tưởng cho du khách; kết hợp cải tạo không gian đài tưởng niệm, tạo điểm nhấn chính cho không gian toàn thị trấn.

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Các trục giao thông đối ngoại:

+ Đường ĐT.653 - Tỉnh lộ 2, lộ giới 42m; đoạn qua thị trấn lộ giới 29 m.

+ Đường ĐT.653B (Nha Trang – Đà Lạt): lộ giới 46 m; đoạn qua thị trấn mở thêm đường gom, lộ giới 65 m.

+ Đường ĐT.654B (Đường 2-8): lộ giới 42m, đoạn qua khu vực thị trấn có lộ giới 20 m.

- Ngoài ra còn có các tuyến giao thông khu vực nội thị và nội bộ; gồm:

+ Trục giao thông chính: Đường Hùng Vương (lộ giới 29m); Đường Quang Trung (lộ giới 20m); Đường Hoàng Quốc Việt (lộ giới 20m); Xây dựng mới đường D1, N1, cải tạo nâng cấp đường Lê Duẩn (lộ giới 20m).

+ Tuyến giao thông nội bộ hiện trạng (cải tạo và nâng cấp và mở mới): Cao Văn Bé, Trịnh Phong, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Thị Định, Pi-Năng-Xả-A, Huỳnh Thúc Kháng, Đinh Tiên Hoàng, Tô Vĩnh Diện, Tôn Đức Thắng, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Văn Linh... (lộ giới 16m).

b. Quy hoạch san nền và thoát nước mưa :

- Nguyên tắc thiết kế:

+ Cao độ nền thiết kế các khu vực xây dựng mới bám sát với cao độ nền hiện trạng, đảm bảo cho việc thoát nước mưa tự chảy, tận dụng triệt để địa hình tự nhiên và hạn chế khối lượng san lấp; tạo độ dốc nền thuận lợi cho giao thông đô thị.

+ Mạng lưới thoát nước mưa phân bố đều dựa trên nguyên tắc tự chảy, đảm bảo không bị ngập úng cục bộ.

- Định hướng cao độ nền xây dựng:

+ Đối với khu trung tâm Thị trấn: San lấp cục bộ, tránh đào đắp lớn, chọn cao độ xây dựng ≥ 28,5m.

+ Khu vực ven sông Cái phía Bắc, có cao độ tự nhiên thấp, san nền tập trung, cao độ đắp nền trung bình khoảng 2,5m. chọn cao độ xây dựng ≥ 23,5m.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Khu vực đồi thấp: San gạt nền tập trung cho từng khu vực, cao độ san gạt trung bình khoảng 5,0 m.

- Giải pháp thoát nước và hướng thoát nước :

+ Nạo vét và cải tạo các tuyến mương cống, sông hiện có.

+ Xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải sinh hoạt.

+ Hướng thoát nước mưa xây dựng mới được tính toán phù hợp với địa hình tự nhiên, phân ra nhiều lưu vực (thoát ra sông Cái, sông Khế, hồ điều hòa...) nhằm đảm bảo thoát nước nhanh và giảm tiết diện cống.

c. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước cấp cho khu vực thị trấn lấy từ nguồn nước mặt sông Khế, nhà máy nước hiện hữu có công suất 1.200 m^3/ngđ.

- Mạng lưới đường ống:

+ Giữ nguyên trạm bơm nước thô và tuyến ống nước thô cũng như mạng lưới cấp nước hiện hữu cho khu vực trung tâm thị trấn.

+ Nâng cấp công suất nhà máy nước hiện hữu lên 2.500 m^3/ngđ.

+ Xây dựng thêm một tuyến ống Ø100 kết nối với ống hiện trạng Ø200 từ ngã tư đường 2 tháng 8 – 653B, theo trục giao thông dẫn nước về các khu dân cư mới phía Đông.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Trụ cứu hoả được bố trí trên các tuyến ống D100 trở lên, khoảng cách không quá 150m, ưu tiên đặt ở các nút giao đường.

d. Quy hoạch hệ thống thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước bẩn :

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải hoàn chỉnh riêng biệt với nước mưa.

+ Mạng lưới thoát nước thải theo đặc điểm địa hình.

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống cống nước mưa và nước thải tại các khu xây dựng mới, xây dựng các tuyến cống chính D400 thu gom về hai trạm xử lý, công suất trạm xử lý phù hợp với phát triển dân cư từng giai đoạn.

+ Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải và 02 trạm bơm chuyển tiếp: Trạm XLNT 01 ở phía Tây có công suất 600 m^3/ngày, thải ra môi trường tiếp nhận là sông Khế; Trạm XLNT 02 ở phía Đông có công suất 800 m^3/ngày, thoát ra môi trường tiếp nhận là sông Cái.

- Vệ sinh môi trường:

+ Tất cả các công trình đều phải có bể tự hoại hợp quy cách, nước thải được thu gom từ các công trình dịch vụ, các cụm nhà ở sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được thu vào hệ thống cống thoát nước thải đường phố.

+ Rác được tập trung trong các thùng thu rác đặt tại các góc đường trong khu dân cư, tại các bến xe và trong các khu dịch vụ, chợ; sau đó thu gom và đưa đến khu xử lý rác của huyện.

+ Nước thải và rác thải sản suất tại các cụm CN-TTCN được thu gom và xử lý riêng theo từng giai đoạn đầu tư xây dựng.

e. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn điện:

+ Giai đoạn đầu, nguồn cấp điện được lấy từ tuyến trung thế 871/15KV(2 2KV) - F6C từ huyện Diên Khánh đến.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

+ Giai đoạn sau, khi trạm 110kV/22KV tại Khánh Vĩnh được xây dựng xong, nguồn cấp điện cho khu vực quy hoạch sẽ được kết nối với trạm này.

- Quy hoạch mạng lưới :

+ Các tuyến trung thế hiện hữu đa số được giữ lại, cải tạo nâng cấp và dịch chuyển theo việc mở rộng lòng lề đường; xây dựng mới các tuyến cấp điện 22kV từ các tuyến trung thế hiện hữu đến các vùng lân cận; các tuyến trung thế sử dụng cáp nhôm lõi thép có bọc cách điện trung áp. Cáp điện đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12m đến 14m.

+ Cải tạo nâng cấp các trạm biến áp ba pha hiện hữu, loại bỏ thay thế dần các trạm một pha, đồng thời dự kiến lắp thêm 08 trạm biến áp mới với tổng công suất cần lắp mới là 2437.5KVA, nâng tổng công suất của khu vực lên 3765KVA nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sinh hoạt trong tương lai.

+ Khu cụm công nghiệp, khu sản suất (nhu cầu dự kiến khoảng 4.235 KVA) sẽ được lắp đặt sau này tùy theo nhu cầu.

+ Các trạm hạ thế 22/0,4kV là loại trạm tập trung đặt trong nhà hoặc trạm compact, giới hạn việc sử dụng các trạm treo và trạm giàn trong đô thị. Các trạm được bố trí tại các trung tâm phụ tải điện, bán kính cấp điện của mỗi trạm không quá 500 m.

f. Quy hoạch hệ thống viễn thông:

- Từ dàn phối tuyến MDF trong tổng đài của nhà cung cấp viễn thông sẽ cho ra tuyến cáp quang đưa tới khu vực thiết kế và được đấu nối với Bưu điện thị trấn có lắp đặt trạm viễn thông; từ đây các tuyến cáp đồng kết nối với khu vực theo yêu cầu.

- Mạng cáp điện thoại, đường truyền dữ liệu phải đảm bảo được các nhu cầu sử dụng theo từng khu vực, theo từng giai đoạn sao cho dung lượng của các đường cáp không lãng phí, đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin trong tương lai.

+ Mạng cáp chính bao gồm 4 tuyến được kéo từ bưu điện, trên cơ sở tận dụng từ các tuyến hiện hữu; trên các tuyến cáp chính bố trí các tủ cáp phân phối có dung lượng từ 200-600 đôi, bán kính phục vụ khoảng 300m. Ưu tiên thực hiện ngầm hóa mạng cáp chính khi xây dựng mở rộng lòng lề đường.

+ Mạng cáp phối: Từ các tủ cáp phân phối đi các tuyến cáp phối rẽ nhánh vào các tập điểm (hộp cáp) có dung lượng từ 10-50 đôi phân phối tới từng khu vực.

5. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Thu thập, phân tích, đánh giá sơ bộ hiện trạng môi trường.

- Trên cơ sở kết quả quy hoạch sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xác định các yếu tố tác động cơ bản về môi trường đối với việc lập quy hoạch phát triển trong khu vực nghiên cứu.

- Phân tích đánh giá và dự báo các yếu tố tác động môi trường đối với việc phát triển đô thị trong khu vực căn cứ các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành,

- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp và kế hoạch để giảm thiểu ô nhiễm.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

V. Những quy định về quản lý quy hoạch xây dựng:

Thực hiện việc quản lý quy hoạch chung thị trấn Khánh Vĩnh theo Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, Quy chuẩn và Tiêu chuẩn xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành, đồng thời tuân thủ theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung được phê duyệt này và các quy định hiện hành của UBND tỉnh về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Phân công thực hiện :

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Công Thương, Lao động Thương binh và Xã hội; UBND huyện Khánh Vĩnh quản lý khu quy hoạch theo chức năng của ngành, theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 của UBND tỉnh v/v phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Khánh Vĩnh đến năm 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận Tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Y tế, Lao động Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Khánh Vĩnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh

Nơi nhận :
- Như điều 4;
- Cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, HgP, CN (18b).

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn